



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**



Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 48

S011729  
CÔNG TY  
TNHH  
H VU TU V  
HÌNH KẾ T  
KIỂM TOA  
PHIA NAM  
T.P HỒ C

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 07 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất.

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

### **4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật**

**Hội đồng Quản trị**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên

**Đại diện pháp luật**

<u>Tên</u>
Ông Văn Thanh Liêm

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## 8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;
- **Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.**

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## 9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2024

**TM. Hội đồng Quản trị**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Văn Thanh Liêm**

Số: 760 /BCSX/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây, được lập ngày 21 tháng 10 năm 2024, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Công ty chưa đánh giá và ghi nhận lên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 về ảnh hưởng của khoản chậm nộp thuế tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận theo thông báo số 1888/TB/CTNTH ngày 12/03/2024 của Cục Thuế Tỉnh Ninh Thuận, trong đó số tiền chậm nộp thuế tính đến ngày 12/03/2024 là 49.370.835.434 đồng. Theo ý kiến chúng tôi, trường hợp thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định thì sẽ làm lỗ thêm một khoản tương ứng 49.370.835.434 đồng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tương ứng "Chi phí tài chính" tăng lên 49.370.835.434 đồng); đồng thời khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty sẽ lỗ thêm 49.370.835.434 đồng tương ứng khoản "Dự phòng đầu tư tài chính" sẽ tăng thêm.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



**Nguyễn Vũ**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



Mẫu số B 01a - DN/HN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>922.329.718.418</b>	<b>1.008.964.596.302</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>197.158.004.581</b>	<b>252.271.213.535</b>
1. Tiền	111		102.096.360.745	157.209.569.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.061.643.836	95.061.643.836
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>131.509.612.909</b>	<b>110.064.003.941</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.04	131.509.612.909	110.064.003.941
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>283.030.129.005</b>	<b>317.555.128.469</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	351.846.030.784	352.461.803.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.432.349.908	11.486.265.780
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	45.367.287.247	1.826.809.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(117.615.538.934)	(48.219.751.107)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.08	<b>308.712.809.281</b>	<b>327.381.648.658</b>
1. Hàng tồn kho	141		308.712.809.281	327.381.648.658
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.919.162.642</b>	<b>1.692.601.699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	882.699.219	677.389.264
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	1.036.463.423	1.015.212.435

501172  
CÔNG T  
TNHH  
CH VỤ T  
CHÍNH K  
Ả KIỂM T  
PHIA N  
- T.P.H

Mẫu số B 01a - DN/HN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.469.278.664.241</b>	<b>1.682.288.417.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.170.440.000</b>	<b>9.170.440.000</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	9.000.000.000	9.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	170.440.000	170.440.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.162.757.824.342</b>	<b>1.241.864.218.680</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.097.066.729.327	1.175.153.342.749
- Nguyên giá	222		3.891.136.166.149	3.890.633.472.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.794.069.436.822)	(2.715.480.129.429)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	65.691.095.015	66.710.875.931
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.382.992.362)	(22.363.211.446)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.09	<b>12.431.962.560</b>	<b>12.431.962.560</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.431.962.560	12.431.962.560
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.04	<b>205.393.297.408</b>	<b>345.369.667.994</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		184.726.447.408	324.702.817.994
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>79.525.139.931</b>	<b>73.452.128.351</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	58.932.568.375	52.247.202.816
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		20.592.571.556	21.204.925.535
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.391.608.382.659</b>	<b>2.691.253.013.887</b>

Mẫu số B 01a - DN/HN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>714.587.870.831</b>	<b>926.202.149.747</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>669.124.377.547</b>	<b>894.310.381.693</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	75.770.214.533	77.730.174.581
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	20.316.631.833	21.132.592.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	214.309.003.357	354.512.371.686
4. Phải trả người lao động	314		7.737.509.902	12.080.400.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.208.766.249	7.364.582.040
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	48.343.523.281	47.407.197.114
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	290.807.075.467	367.951.559.392
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.631.652.925	6.131.504.036
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>45.463.493.284</b>	<b>31.891.768.054</b>
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		45.463.493.284	31.891.768.054
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.677.020.511.828</b>	<b>1.765.050.864.140</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>1.677.020.511.828</b>	<b>1.765.050.864.140</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		498.645.305.720	498.645.305.720
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(82.410.094.305)	5.620.258.007
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.620.258.007	157.847.016.376
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(88.030.352.312)	(152.226.758.369)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.391.608.382.659</b>	<b>2.691.253.013.887</b>

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

Mẫu số B 02a - DN/HN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.030.318.873.354	964.312.262.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.030.318.873.354	964.312.262.971
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	964.978.134.525	956.714.987.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.340.738.829	7.597.275.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.423.930.410	8.122.529.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	11.485.815.544	22.170.659.869
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.438.937.156	22.143.590.724
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(24.976.370.586)	(2.432.878.839)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	16.446.283.575	18.825.692.352
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	94.359.734.385	22.869.142.444
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(74.503.534.851)	(50.578.568.447)
12. Thu nhập khác	31	VI.06	710.954.503	8.968.153
13. Chi phí khác	32	VI.07	231.759.077	12.650.000
14. Lợi nhuận khác	40		479.195.426	(3.681.847)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(74.024.339.425)	(50.582.250.294)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	434.287.657	489.435.640
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	13.571.725.230	859.004.310
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(88.030.352.312)	(51.930.690.244)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(88.030.352.312)	(51.930.690.244)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.006)	(593)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(1.006)	(593)

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Báo, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

Mẫu số B 03a - DN/HN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(74.024.339.425)	(50.582.250.294)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		80.321.618.853	106.795.823.700
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		69.395.787.827	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		18.710.536.652	(5.167.063.316)
- Chi phí lãi vay	06		11.438.937.156	22.143.590.724
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		105.842.541.063	73.190.100.814
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.970.210.649	(7.209.327.486)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		19.281.193.356	93.047.717.918
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(143.828.583.360)	92.065.941.355
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(6.890.675.514)	9.728.525.371
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.058.546.543)	(24.448.612.804)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.337.014.720)	(2.063.278.474)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		30.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.529.851.111)	(1.999.592.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.520.726.180)	232.311.474.178
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(518.362.800)	(579.401.670)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		65.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.445.608.968)	(61.520.547.946)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	60.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		115.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.394.939.419	7.819.942.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		100.495.967.651	5.719.992.540

Mẫu số B 03a - DN/HN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		492.229.397.010	287.373.559.464
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(569.373.880.935)	(454.139.615.077)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.943.966.500)	(44.342.488.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(120.088.450.425)</b>	<b>(211.108.544.113)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(55.113.208.954)</b>	<b>26.922.922.605</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>252.271.213.535</b>	<b>285.035.534.723</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>197.158.004.581</b>	<b>311.958.457.328</b>

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiền

Lập, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 07 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

#### 7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty và Công ty con có 644 nhân viên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

### B. Châu trước Công ty

**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây có 03 (ba) Công ty con, 02 (hai) Công ty liên kết và 03 (ba) chi nhánh.**

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 02 Công ty.

#### a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng;...	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phú Lý, Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%

#### b. Danh sách các Công ty liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (*)	Đường D1 - Khu công nghiệp Bắc Vĩnh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vĩnh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	20,01%	18,46%	38,96%	38,96%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Đường số 7, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

**B. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024, Công ty đã thoái một phần vốn góp là 11.500.000 cổ phần, tương đương 115.000.000.000 đồng, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 18,46%.

Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết, Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn ("Bao Bì Sài Gòn") đã ủy quyền 1,55% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó tại ngày 30/06/2024, Công ty nắm giữ 20,01% quyền biểu quyết trong Công ty Bao Bì Sài Gòn (trong đó có 18,46% quyền biểu quyết trực tiếp và 1,55% quyền biểu quyết gián tiếp).

**c. Danh sách Chi nhánh**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Lô B2/47-48-49-50-51 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	A73/I Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu Công nghiệp Trần Quốc Toản, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.



## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

### 2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực kế toán về hợp nhất kinh doanh và hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền đã đồng.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng đầu tư tài chính:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:* được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:*

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

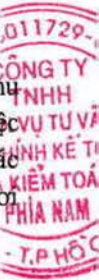
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")**

**a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40
- Máy móc thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	07 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
- Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 41 năm đến 49 năm.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 07 năm.

## 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



## 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

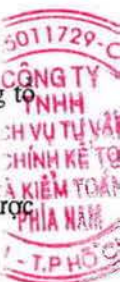
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

### a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**d. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### 17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

#### 18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

#### 19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

##### *Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- **Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;**



- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

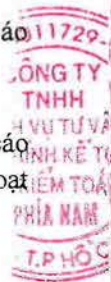
### ***Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Tiền mặt	2.035.521.669	1.717.272.182
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100.060.839.076	155.492.297.517
- Các khoản tương đương tiền (*)	95.061.643.836	95.061.643.836
<b>Cộng</b>	<b>197.158.004.581</b>	<b>252.271.213.535</b>

**Ghi chú**

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng, lãi suất dao động từ 2,3% đến 6%/năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>351.846.030.784</b>	<b>352.461.803.813</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	89.042.970.156	96.762.543.498
- Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	23.389.695.764
- Các khách hàng khác	239.414.854.864	232.309.564.551

**b. Dài hạn**

**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.432.349.908</b>	<b>11.486.265.780</b>
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	-	4.507.035.142
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
- Công ty Cổ phần Bia và NGK Quốc Tế	27.040.000	1.340.400.000
- Liên doanh Tư vấn Thiết kế - Công ty Cổ Phần Đầu tư XD - TM và Phát triển TDI	804.644.000	804.644.000
- Công ty TNHH HTV Anh Bình Minh	598.312.565	598.312.565
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	460.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.542.353.343	2.467.069.453

**b. Dài hạn**

**4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

		Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					
<b>a.1 Ngân hạn</b>	<b>131.509.612.909</b>	<b>131.509.612.909</b>	<b>110.064.003.941</b>	<b>110.064.003.941</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	131.509.612.909	131.509.612.909	110.064.003.941	110.064.003.941	
a.2 Dài hạn	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>131.509.612.909</b>	<b>131.509.612.909</b>	<b>110.064.003.941</b>	<b>110.064.003.941</b>	

**Ghi chú:**

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng, lãi suất dao động từ 3,3% đến 5,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

**4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>b.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>240.605.263.158</b>	<b>184.726.447.408</b>		<b>463.500.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	200.605.263.158	143.487.608.495	(*)	283.429.328.168
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	40.000.000.000	41.238.838.913	(*)	41.273.489.826
<b>b.2 Đầu tư vào các đơn vị khác</b>	<b>22.166.850.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>		<b>(1.500.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	-	23.450.006.700	-
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	-	19.530.390.600	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(1.500.000.000)	(*)	(1.500.000.000)

**Ghi chú:**

(\*) Tại ngày 30/06/2024 và ngày 01/01/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc các quy định về Chế độ kế toán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(ii) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HNX, HOSE, UpCom tại thời điểm 30/06/2024 và ngày 01/01/2024 nhằm mục đích tham khảo.



5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
<b>a. Ngắn hạn</b>				
<b>b. Dài hạn</b>				
- Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh (*)				
<b>Cộng</b>				

**Ghi chú:**

(\*) Khoản cho Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2021/HĐVT ngày 17/03/2021. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho vay từ ngày 17/03/2021 đến ngày 17/03/2026.

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về tiền cổ tức				
- Tạm ứng				
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn				
- Phải thu về BHXH				
- Phải thu khác				
+ Phải thu về tạm ứng cổ tức (*)				
+ Đối tượng khác				
<b>b. Dài hạn</b>				
- Ký quỹ, ký cược				
<b>Cộng</b>				

**Ghi chú:**

(\*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023, trong tháng 4 năm 2024 Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền cho các Cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là 5%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu nhận được 500 đồng). Đến ngày 18/07/2024, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ đã phê duyệt việc hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối để chi trả cổ tức bằng tiền.

7. NỢ XẤU

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Trong đó:</b>				
- Phải thu khách hàng				
<b>Cộng</b>				

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	141.977.717.393	-	130.818.313.955	-
- Công cụ, dụng cụ	11.745.717.867	-	11.229.947.927	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.615.206.601	-	73.470.200.531	-
- Thành phẩm	78.349.501.835	-	82.173.696.854	-
- Hàng hóa	1.027.846.349	-	1.742.369.320	-
- Hàng hóa gửi bán	9.996.819.236	-	27.947.120.071	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>308.712.809.281</b>	<b>-</b>	<b>327.381.648.658</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN**

*a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn*

*b. Xây dựng cơ bản dở dang*

- Dự án nhà máy Bia Sagota
- Máy chiết lon
- Các dự án khác

Cộng

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
	-	-
	12.431.962.560	12.431.962.560
	9.870.933.820	9.870.933.820
	2.136.731.000	2.136.731.000
	424.297.740	424.297.740
<b>Cộng</b>	<b>12.431.962.560</b>	<b>12.431.962.560</b>





**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	839.814.899.017	2.979.324.771.040	65.295.271.988	3.931.730.437	2.266.799.696	3.890.633.472.178
2. Số tăng trong kỳ	-	1.509.312.000	-	-	-	1.509.312.000
- Mua trong kỳ	-	1.509.312.000	-	-	-	1.509.312.000
3. Số giảm trong kỳ	-	1.006.618.029	-	-	-	1.006.618.029
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.006.618.029	-	-	-	1.006.618.029
4. Số dư cuối kỳ	839.814.899.017	2.979.827.465.011	65.295.271.988	3.931.730.437	2.266.799.696	3.891.136.166.149
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	443.086.594.531	2.226.411.294.848	39.995.889.079	3.719.551.275	2.266.799.696	2.715.480.129.429
2. Số tăng trong kỳ	19.212.558.030	57.914.376.045	2.147.690.652	27.213.210	-	79.301.837.937
- Khấu hao trong kỳ	19.212.558.030	57.914.376.045	2.147.690.652	27.213.210	-	79.301.837.937
3. Số giảm trong kỳ	-	712.530.544	-	-	-	712.530.544
- Thanh lý, nhượng bán	-	712.530.544	-	-	-	712.530.544
4. Số dư cuối kỳ	462.299.152.561	2.283.613.140.349	42.143.579.731	3.746.764.485	2.266.799.696	2.794.069.436.822
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	396.728.304.486	752.913.476.192	25.299.382.909	212.179.162	-	1.175.153.342.749
2. Tại ngày cuối kỳ	377.515.746.456	696.214.324.662	23.151.692.257	184.965.952	-	1.097.066.729.327

**Ghi chú:**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.229.995.576.209 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 454.304.568.767 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Xem thuyết minh V.18).



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	17.939.355.307	1.699.168.752	22.363.211.446
2. Số tăng trong kỳ	-	880.280.916	139.500.000	1.019.780.916
- Khấu hao trong kỳ	-	880.280.916	139.500.000	1.019.780.916
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.724.687.387	18.819.636.223	1.838.668.752	23.382.992.362
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	66.450.669.683	260.206.248	66.710.875.931
2. Tại ngày cuối kỳ	-	65.570.388.767	120.706.248	65.691.095.015

**Ghi chú:**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 3.289.062.387 VND.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>882.699.219</b>	<b>677.389.264</b>
- Chi phí bảo hiểm	462.964.501	506.471.595
- Chi phí khác	419.734.718	170.917.669
<b>b. Dài hạn</b>	<b>58.932.568.375</b>	<b>52.247.202.816</b>
- Bao bì luân chuyển (1)	21.790.897.381	13.613.509.701
- Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.126.089.961	2.814.739.442
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.426.423.294	2.717.138.060
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh (2)	12.558.740.994	12.772.437.426
- Chi phí thuê đất trả trước tại Đồng Tháp (3)	20.030.416.745	20.329.378.187

**Ghi chú:**

- (1) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.
- (2) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004).
- (3) Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018).

**13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>		<i>Ngày 01/01/2024</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>75.770.214.533</b>	<b>75.770.214.533</b>	<b>77.730.174.581</b>	<b>77.730.174.581</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	29.918.563.522	29.918.563.522	30.717.686.493	30.717.686.493
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.034.007.868	15.034.007.868	11.206.665.416	11.206.665.416
- Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	-	-	7.186.757.968	7.186.757.968
- Các nhà cung cấp khác	30.817.643.143	30.817.643.143	28.619.064.704	28.619.064.704
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>75.770.214.533</b>	<b>75.770.214.533</b>	<b>77.730.174.581</b>	<b>77.730.174.581</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).



14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>20.316.631.833</b>	<b>21.132.592.270</b>
- Công ty Metro J Trading	10.531.412.820	4.837.302.300
- Trade Beer Sole Co., Ltd	6.732.350.222	13.879.062.110
- Các khách hàng khác	3.052.868.791	2.416.227.860
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.316.631.833</b>	<b>21.132.592.270</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2024
<b>a. Phải nộp</b>	<b>354.512.371.686</b>	<b>858.621.636.486</b>	<b>998.825.004.815</b>	<b>214.309.003.357</b>
Thuế giá trị gia tăng	98.490.607.707	17.542.185.587	103.494.425.395	12.538.367.899
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	91.146.156	91.146.156	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	35.203.054	35.203.054	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	254.081.908.487	834.991.312.616	889.243.580.415	199.829.640.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.147.275.184	434.287.657	1.337.014.720	244.548.121
Thuế thu nhập cá nhân	786.345.428	3.575.839.329	3.654.523.788	707.660.969
Thuế tài nguyên	6.234.880	28.280.320	30.055.600	4.459.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.896.381.767	912.055.687	984.326.080
Thuế khác	-	27.000.000	27.000.000	-
	Ngày 01/01/2024	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2024
<b>b. Phải thu</b>	<b>1.015.212.435</b>	<b>29.908.577</b>	<b>8.657.589</b>	<b>1.036.463.423</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	29.908.577	-	29.908.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
Thuế thu nhập cá nhân	8.657.589	-	8.657.589	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.208.766.249</b>	<b>7.364.582.040</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	3.557.876.712	6.177.486.099
- Trích trước chi phí thuê đất	2.401.116.866	-
- Các khoản khác	2.249.772.671	1.187.095.941
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.208.766.249</b>	<b>7.364.582.040</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>48.343.523.281</b>	<b>47.407.197.114</b>
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.739.376.267	1.442.052.935
- Cổ tức phải trả	3.261.038.500	2.442.737.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	42.903.323.551	42.909.782.816
- Phải trả khác	439.784.963	612.624.363
<b>b. Dài hạn</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>492.229.397.010</b>	<b>569.373.880.935</b>	<b>367.951.559.392</b>	<b>367.951.559.392</b>
<b>a.1 Vay ngắn hạn</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>492.229.397.010</b>	<b>539.509.380.089</b>	<b>338.087.058.546</b>	<b>338.087.058.546</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	244.860.219.028	244.860.219.028	405.310.591.151	461.729.443.972	301.279.071.849	301.279.071.849
- Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bina Sài Gòn (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (3)	6.641.178.126	6.641.178.126	26.417.762.665	36.584.571.236	16.807.986.697	16.807.986.697
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (4)	19.305.678.313	19.305.678.313	60.501.043.194	41.195.364.881	-	-
<b>a.2 Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.864.500.846</b>	<b>29.864.500.846</b>	<b>29.864.500.846</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	29.864.500.846	29.864.500.846	29.864.500.846
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>290.807.075.467</b>	<b>492.229.397.010</b>	<b>569.373.880.935</b>	<b>367.951.559.392</b>	<b>367.951.559.392</b>

**Ghi chú:**

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/CV-0020/KHDN/23 ngày 30/10/2023 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250.000.000.000 đồng để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch sản xuất/kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm các nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2024

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

**Bên đảm bảo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

**Tài sản đảm bảo**

Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp, công suất 45 triệu lít/năm tại Lô CN2, KCN Trần Quốc Toản, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Toàn bộ các máy móc, thiết bị là dây chuyền chiết chai công suất vận hành 30.000 chai/giờ thuộc dự án đầu tư mới thiết bị chiết rót cho nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh;

Dây chuyền chiết lon công suất vận hành 33.000 lon/giờ thuộc dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn - Đồng Tháp”;

Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu thuộc sở hữu của Công ty với giá trị tối thiểu 100% dư nợ cấp tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm.

(2) Khoản vay ngắn hạn Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và Hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất vay là 6,5%/ năm, khoản vay không có tài sản thế chấp.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.24.21 ngày 16/06/2024 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

**Bên đảm bảo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

**Tài sản đảm bảo**

Quyền sử dụng đất 23.120,8 m<sup>2</sup> tại các lô A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;

Công trình xây dựng trên đất tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;

Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bia tại nhà máy Hoàng Quỳnh sau khi đã loại ra dây chuyền chiết chai trị giá 87.101.000.000 VND tại địa chỉ A73/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00014660.08883/2023/HĐTD ngày 19/01/2024 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng (trong đó 50 tỷ đồng sử dụng chỉ được sử dụng khi đáp ứng thêm điều kiện) để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bia. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.



**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của Chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376	1.961.039.890.509
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(51.930.690.244)	(51.930.690.244)
- Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>436.708.750.464</b>	<b>(51.168.810.051)</b>	<b>498.645.305.720</b>	<b>105.916.326.132</b>	<b>1.865.346.932.265</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	5.620.258.007	1.765.050.864.140
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(88.030.352.312)	(88.030.352.312)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2024</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>436.708.750.464</b>	<b>(51.168.810.051)</b>	<b>498.645.305.720</b>	<b>(82.410.094.305)</b>	<b>1.677.020.511.828</b>



**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	143.723.000.000	143.723.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	55.200.000.000
- Tổ chức, cá nhân khác	676.322.360.000	676.322.360.000
<b>Cộng</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>875.245.360.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	875.245.360.000	875.245.360.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)</b>	<b>43.762.268.000</b>	<b>43.762.268.000</b>

**Ghi chú:**

(\*) Cổ tức, lợi nhuận đã chia của kỳ 6 tháng đầu năm 2024 là khoản Công ty tạm ứng cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là 5%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu nhận được 500 đồng) căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023. Khoản này Công ty đang ghi nhận trên khoản Phải thu khác (xem Thuyết minh V.06).

**d. Cổ phiếu**

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.524.536	87.524.536

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:** 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- <b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	498.645.305.720	498.645.305.720

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
<b>a. Ngoại tệ các loại</b>		
- Đô la Mỹ (USD)	2.078.793,95	690.264,05
<b>b. Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>4.719.377.015</b>	<b>4.719.377.015</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
<b>a. Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	64.116.611.172	44.096.309.513
- Doanh thu bán thành phẩm	893.575.300.702	906.112.596.036
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.885.706.830	7.617.237.141
- Doanh thu khác	7.741.254.650	6.486.120.281
<b>Cộng</b>	<b>1.030.318.873.354</b>	<b>964.312.262.971</b>

**b. Doanh thu đối với các bên liên quan**

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.427.538.304	35.743.011.704
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	837.382.868.748	913.956.990.397
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	65.837.350.833	6.597.217.952
- Giá vốn khác	4.330.376.640	417.767.547
<b>Cộng</b>	<b>964.978.134.525</b>	<b>956.714.987.600</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Lãi tiền gửi	3.844.902.919	4.949.923.655
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	929.008.991	522.587.531
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.650.018.500	2.650.018.500
<b>Cộng</b>	<b>7.423.930.410</b>	<b>8.122.529.686</b>



**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí lãi vay	11.438.937.156	22.143.590.724
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	27.069.145
- Chi phí tài chính khác	46.878.388	-
<b>Cộng</b>	<b>11.485.815.544</b>	<b>22.170.659.869</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>16.446.283.575</b>	<b>18.825.692.352</b>
- Chi phí nhân viên	3.991.351.874	5.691.644.242
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	8.864.676.617	8.082.916.728
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.073.096	143.173.098
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.327.524.862	2.203.727.567
- Chi phí bằng tiền khác	1.113.657.126	2.704.230.710
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>94.359.734.385</b>	<b>22.869.142.444</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	14.935.671.855	13.360.988.455
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	478.960.402	85.202.862
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.462.148.718	4.251.739.418
- Thuế, phí và lệ phí	92.406.273	-
- Chi phí dự phòng	69.395.787.827	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.153.198.239	2.642.419.201
- Chi phí bằng tiền khác	2.841.561.071	2.528.792.508

**6. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	371.719.978	-
- Các khoản khác	339.234.525	8.968.153
<b>Cộng</b>	<b>710.954.503</b>	<b>8.968.153</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	229.087.485	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	-	12.650.000
- Các khoản khác	2.671.592	-
<b>Cộng</b>	<b>231.759.077</b>	<b>12.650.000</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	762.016.573.105	672.009.150.925
- Chi phí nhân công	49.900.868.646	50.096.150.461
- Chi phí khấu hao TSCĐ	80.321.618.853	106.795.823.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.232.218.585	49.978.264.433
- Chi phí bằng tiền khác	4.405.697.786	8.373.718.510
<b>Cộng</b>	<b>937.876.976.975</b>	<b>887.253.108.029</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	434.287.657	489.435.640
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>434.287.657</b>	<b>489.435.640</b>

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	13.571.725.230	859.004.310
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>13.571.725.230</b>	<b>859.004.310</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(88.030.352.312)	(51.930.690.244)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	87.524.536	87.524.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.006)</b>	<b>(593)</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(88.030.352.312)	(51.930.690.244)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	87.524.536	87.524.536
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.006)</b>	<b>(593)</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	492.229.397.010	287.373.559.464
<b>Cộng</b>	<b>492.229.397.010</b>	<b>287.373.559.464</b>

**2. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	569.373.880.935	454.139.615.077
<b>Cộng</b>	<b>569.373.880.935</b>	<b>454.139.615.077</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*a. Các bên liên quan*

<b>Tên bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Cổ đông lớn, cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Thuận Thành	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các cá nhân khác có liên quan	Ban điều hành



**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/06/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/06/2023</u>
<b>b.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	762.347.942.389	755.753.291.683
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.000.000	75.000.000
<b>b.2. Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	569.371.393.854	488.769.053.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	64.782.517.323	49.041.254.318
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	3.120.525.256	2.978.881.677
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Thuận Thành	545.933.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	3.384.394.160	-
<b>b.3. Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	900.018.000	900.018.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	1.750.000.500	1.750.000.500
<b>b.4. Chi phí lãi vay</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	648.219.178	3.054.109.590
<b>b.5. Cổ tức phải trả cho cổ đông</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.186.150.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	2.760.000.000	2.760.000.000



1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

*Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:*

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
Văn Thảo Nguyễn	Phó Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Đình Văn Thuận	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Đình Quang Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	36.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>		<b>264.000.000</b>	<b>264.000.000</b>

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Văn Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	480.000.000	480.000.000
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	390.000.000	390.000.000
Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	390.000.000	-
Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng	360.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.620.000.000</b>	<b>1.230.000.000</b>

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>

Những người quản lý khác

8.260.000.000 3.390.000.000

*c. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan*

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	89.042.970.156	96.762.543.498
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	-	16.500.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.03)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.13)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.429.506.722	30.717.686.493
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.034.007.868	11.206.665.416
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	4.820.000.285
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	2.442.188.818	2.225.288.901
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Thuận Thành	105.617.960	464.267.460
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh V.16)</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	4.009.437.100	5.909.657.534
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	3.120.525.256	
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh V.17)</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	2.240.000	
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh V.18)</b>		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000

**Ghi chú:**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và 01 tháng 01 năm 2024 đã được trình bày lại để phù hợp với danh sách các đơn vị liên quan đã nêu tại Thuyết minh VIII.1.a.

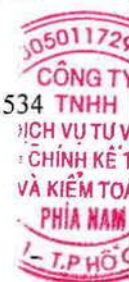
**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	902.627.782.232	127.691.091.122	1.030.318.873.354
<b>Giá vốn</b>	864.577.871.056	100.400.263.469	964.978.134.525
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>38.049.911.176</b>	<b>27.290.827.653</b>	<b>65.340.738.829</b>

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và Công ty con, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty và Công ty con. Do vậy, Hội đồng Quản trị của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.







## **CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:**

### **1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:**

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

### **2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:**

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

### **3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:**

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

### **4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:**

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp qui, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

## **WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:**

### **1. AUDITING SERVICES:**

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

### **2. ACCOUNTING SERVICES:**

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

### **3. CONSULTANCY SERVICES:**

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

### **4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:**

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.